

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 8 năm 2016

THỂ LỆ
HỘI THI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRONG KHỐI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HOÁ NĂM 2016

Chủ đề của Hội thi: “*Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong việc xây dựng chính quyền điện tử*”.

Điều 1. Đối tượng Hội thi.

1. Đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (theo phụ lục 1 kèm theo).

- Đối với “Phần thi bắt buộc” của Hội thi: Cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị tham gia Ban tổ chức Hội thi không tham gia phần thi này.

- Đối với “Phần thi khuyến khích” (sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo), khuyến khích tất cả các đơn vị đăng ký dự thi bao gồm cả các đơn vị tham gia Ban tổ chức Hội thi.

2. Thành lập đội tham dự Hội thi:

Mỗi cơ quan tham gia Hội thi sẽ cử một đội dự thi gồm 02 thí sinh; trong đó khuyến khích có 01 thí sinh là cán bộ lãnh đạo cấp phòng (hoặc tương đương) của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện.

Điều 2. Phần thi bắt buộc.

1. Vòng Sơ Khảo:

a) Thành phần: Gồm tất cả các đội đủ điều kiện tham gia dự thi.

b) Nội dung:

- Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính. Mỗi thí sinh làm bài thi độc lập.

- Mỗi thí sinh được cấp 01 phiếu dự thi có tên truy nhập (username) và mật khẩu (password) để đăng nhập vào máy tính được kết nối mạng.

- Bài thi gồm 100 câu hỏi trắc nghiệm:

+ Kiến thức cơ bản đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông (Kiến thức quy định trong 10 Mô đun kỹ năng từ UI01 đến UI09 và UI14);

+ Quy trình, kỹ năng vận hành các phần mềm đang được triển khai tại các đơn vị: Phần mềm QLVB&HSCV; Phần mềm Thư điện tử công vụ; Phần mềm Theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao; Phần mềm một cửa điện tử...

+ Các nội dung chủ yếu chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT, cải cách hành chính, Chính phủ điện tử... thông qua các văn bản pháp luật đã ban hành (*Danh mục các văn bản pháp luật theo phụ lục 2 gửi kèm theo*).

- Thời gian làm bài: 30 phút.

- Kết quả vòng sơ khảo:

+ Điểm tối đa phần thi này là 100 điểm cho mỗi thí sinh; Điểm của mỗi đội dự thi được tính bằng tổng điểm của 02 thí sinh.

+ Kết quả điểm của mỗi thí sinh trong phần thi sơ khảo là cơ sở để xét chọn lấy 10 cá nhân có thành tích xuất sắc nhất để trao giải thưởng cá nhân. Trường hợp ở vị trí thứ 10 có nhiều hơn một thí sinh có cùng điểm số sẽ xét đến thời gian làm bài của các thí sinh này, thí sinh nào có thời gian làm bài ngắn hơn sẽ được chọn vào top 10 cá nhân có thành tích xuất sắc nhất.

+ Căn cứ điểm của các đội dự thi, lựa chọn lấy 12 đội có số điểm cao nhất theo 02 bảng để tham gia vòng chung khảo. Trong đó: Bảng 1- Khối sở, ban, ngành cấp tỉnh gồm 05 đội; Bảng 2 - Khối UBND cấp huyện gồm 07 đội. Trường hợp ở vị trí cuối trong mỗi bảng (vị trí thứ 05 với Bảng 1 và vị trí thứ 07 với Bảng 2) có nhiều hơn một đội có cùng điểm số thì xét đến tổng thời gian làm bài của các đội này, đội nào có thời gian làm bài ngắn hơn sẽ được chọn vào top 12 đội tham gia vòng chung khảo.

2. Vòng Chung khảo:

a) Hình thức:

- Sử dụng chung 01 đề thi cho 12 đội ở vòng Chung khảo. Đề thi yêu cầu 02 nội dung: thực hành và thuyết trình.

- Thực hành: Các đội làm bài trên máy tính, sử dụng bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office 2010 (Yêu cầu các kỹ năng CNTT đáp ứng theo 08 modul từ IU02 đến IU09 quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT) để thực hiện các yêu cầu của đề bài và xây dựng bài hỗ trợ thuyết trình. Các đội sử dụng hộp thư điện tử công vụ để nộp kết quả thực hiện cho Ban giám khảo. Thời gian làm bài phần thi thực hành: 60 phút.

- Thuyết trình: Một người đại diện của đội dự thi thuyết trình trước ban giám khảo, có sử dụng máy chiếu hỗ trợ để trình diễn nội dung thuyết trình (đã thực hiện trong phần thực hành trên). Các đội dự thi sử dụng phần mềm Microsoft Power point 2010 để hỗ trợ thuyết trình. Bài thuyết trình không quá 10 slides. Thời gian thuyết trình: không quá 07 phút; Tổng thời gian thuyết trình và trả lời câu hỏi của Ban giám khảo không quá 15 phút.

- Tính điểm cho mỗi đội: Căn cứ vào quá trình thao tác trên máy tính của các thí sinh và kết quả nộp bài trên thư công vụ cho Ban giám khảo để tính điểm thực hành; Căn cứ kết quả trình bày trước Ban giám khảo có sử dụng máy chiếu hỗ trợ

để trình diễn nội dung thuyết trình để tính điểm thuyết trình. Điểm tối đa phần thi chung khảo (gồm thực hành và thuyết trình) là 100 điểm.

b) Các tính điểm vòng thi Chung khảo:

- Điểm thực hành (ĐTH): hệ số 3

- Điểm thuyết trình (ĐTT): hệ số 2

$$(\text{ĐTH} \times 3) + (\text{ĐTT} \times 2)$$

- Điểm của mỗi đội dự thi = $\frac{\quad}{5}$

5

- Kết quả điểm phần thi Chung khảo là cơ sở để xét giải thưởng tập thể.

Điều 3. Thi sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo (Phần thi không bắt buộc):

1. Sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo đăng ký dự thi: Các cá nhân, tập thể cán bộ, công chức có sản phẩm, giải pháp sáng tạo (phần mềm, phần cứng hoặc giải pháp CNTT có thể đã được triển khai tại cơ quan, đơn vị nhưng chưa được thương mại hóa, chưa dự thi ở các cuộc thi sáng tạo cấp Trung ương) hoặc ý tưởng sáng tạo (ứng dụng CNTT và có tính khả thi cao) nhằm hướng đến xây dựng, phục vụ chính quyền điện tử; thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính... đều có thể đăng ký dự thi.

2. Yêu cầu sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo khi tham dự Hội thi:

a) Đối với sản phẩm, giải pháp: là phần mềm ứng dụng CNTT có thể được đóng gói, cài đặt và lưu trên các thiết bị lưu trữ di động (đĩa CD, DVD, USB...) kèm theo các phần mềm hỗ trợ để chạy hoặc phải ghi rõ sản phẩm, giải pháp được ứng dụng trên nền tảng hệ thống sẵn có.

b) Đối với ý tưởng sáng tạo: phải có bài phân tích và bản trình bày minh họa (Demo) cho ý tưởng.

Thí sinh dự thi sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo mang theo máy tính cá nhân để thuyết trình, minh họa sản phẩm của mình và trả lời các câu hỏi của Hội đồng giám khảo cùng các thí sinh, lãnh đạo các đoàn và khán giả (nếu có).

c) Báo cáo sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo cần mô tả rõ những nội dung sau:

- Giới thiệu chung về sản phẩm;
- Các thông tin chi tiết (các tính năng) của sản phẩm;
- Hướng dẫn cài đặt, sử dụng;
- Nếu sử dụng lại mã nguồn mở thì cần nêu rõ nguồn gốc (đường link,...), sử dụng cho chức năng gì, chức năng gì tự cài đặt và tỉ lệ đóng góp của mã nguồn mở vào tổng thể hệ thống phần mềm.

3. Tiêu chí chung để đánh giá sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo:

- Tính cần thiết của sản phẩm, giải pháp, ý tưởng;
- Tính bền vững, công nghệ và đột phá của sản phẩm, giải pháp; tính mới, sáng tạo và đột phá của ý tưởng;

- Khả năng thực tiễn của phần mềm, giải pháp, ý tưởng;
- Khả năng trình bày, thuyết trình về giải pháp, ý tưởng.

Điều 4. Hồ sơ đăng ký dự tài.

1. Hồ sơ dự thi:

- 01 bản đăng ký danh sách thí sinh dự thi của các đơn vị (theo mẫu gửi kèm).
- Hồ sơ đăng ký dự thi phần thi sản phẩm sáng tạo gồm có:
 - + 01 công văn đăng ký dự thi Sản phẩm sáng tạo của tác giả và có xác nhận của cơ quan nơi công tác.
 - + 01 thiết bị lưu trữ di động (CD, DVD, USB) ghi chương trình phần mềm, dữ liệu mô phỏng, kết quả sản phẩm và các tài liệu liên quan.
 - + 02 bản in trên giấy tài liệu mô tả sản phẩm của tác giả.

2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký các đội dự thi: gửi trước ngày 10/9/2016;
 - Hồ sơ dự thi sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo: gửi trước ngày 10/9/2016.
- (Lưu ý: Hồ sơ dự thi sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo phải đóng trong phong bì riêng có dán niêm phong và chỉ được mở niêm phong trước Ban giám khảo để chấm điểm).

3. Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý CNTT – Sở Thông tin và Truyền thông

Điều 5. Thời gian và địa điểm tổ chức Hội thi.

1. Thời gian: ngày 22 - 23/9/2016 (02 ngày).

- Ngày 22/9/2016: Tổ chức chấm thi sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo (các cá nhân, tập thể có đăng ký dự thi tham gia)
- Ngày 23/9/2016: Hội thi chính thức (Tất cả các đội dự thi tham gia)

2. Địa điểm: Sở Thông tin và Truyền thông, 32 Đại lộ Lê Lợi, TP Thanh Hoá.

Điều 6. Cơ cấu và giá trị giải thưởng.

1. Giải sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo:

Tên giải	Số lượng giải	Trị giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Giải nhất	01	5.000.000	5.000.000
Giải nhì	01	4.000.000	4.000.000
Giải Ba	02	3.000.000	6.000.000

2. Giải cá nhân:

Tên giải	Số lượng giải	Giá trị (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Giải nhất	01	1.500.000	1.500.000
Giải nhì	02	1.000.000	2.000.000
Giải Ba	03	500.000	1.500.000
Giải KK	04	300.000	1.200.000

3. Giải tập thể:

Tên giải	Số lượng giải	Trị giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
A. Khối Sở, ban, ngành cấp tỉnh			
Giải nhất	01	4.000.000	4.000.000
Giải nhì	01	3.000.000	3.000.000
Giải Ba	01	2.000.000	2.000.000
Giải KK	02	1.000.000	2.000.000
B. Khối UBND cấp huyện			
Giải nhất	01	4.000.000	4.000.000
Giải nhì	01	3.000.000	3.000.000
Giải Ba	02	2.000.000	4.000.000
Giải KK	03	1.000.000	3.000.000

Ngoài số tiền thưởng trên, Ban tổ chức Hội thi sẽ vận động các nhà tài trợ trao thêm các hình thức thưởng khác (nếu có) cho các đội đạt giải.

Điều 7. Một số yêu cầu khi tham gia Hội thi.

1. Việc đăng ký tham dự Hội thi của các cơ quan sẽ được xem xét đưa vào tính điểm ưu tiên trong việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động của các CQNN hàng năm;

2. Các đội dự thi phải chấp hành nghiêm túc thời gian và những nội dung của chương trình, Thẻ lệ, Quy chế Hội thi do Ban tổ chức qui định.

3. Các thí sinh dự thi mặc trang phục gọn gàng, lịch sự; mang theo thẻ dự thi xuất trình cho cán bộ xem thi trước khi vào làm bài thi.

4. Trưởng đoàn dự thi có trách nhiệm tổ chức và vận động cán bộ của đơn vị mình tham gia cổ vũ hội thi; chịu trách nhiệm về an toàn mọi mặt và sức khỏe con người cho các đội dự thi.

5. Nếu có vướng mắc hoặc kiến nghị gì thì Trưởng đoàn báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban tổ chức Hội thi để giải quyết ngay trong thời gian diễn ra Hội thi. Kết thúc Hội thi, không xem xét xử lý bất kỳ khiếu nại, đề xuất gì từ phía các Đoàn và thí sinh dự thi.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

1. Ban Tổ chức Hội thi:

- Ban Tổ chức Hội thi có trách nhiệm triển khai Hội thi theo kế hoạch và tiến độ đã đề ra.

- Thường trực Ban Tổ chức Hội thi là Phòng QL CNTT- Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Ban Đề thi và Ban Giám khảo:

- Gồm các chuyên gia CNTT do Ban Tổ chức giới thiệu, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi ra quyết định thành lập.

- Ban Đề thi và Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Ban Tổ chức về chuyên môn của Hội thi: Hướng dẫn nội dung, ra đề thi, chấm thi, giải quyết khiếu nại, tổng hợp kết quả và đề xuất giải thưởng, trình Ban Tổ chức phê duyệt. Phân công cho các thành viên trong Ban Đề thi và Ban Giám khảo, do các Trưởng Ban thực hiện.

3. Ban hỗ trợ kỹ thuật:

- Ban hỗ trợ kỹ thuật gồm các cán bộ, chuyên gia CNTT do Ban Tổ chức giới thiệu, Trưởng Ban Tổ chức Hội thi ra quyết định thành lập.

- Ban hỗ trợ kỹ thuật chịu trách nhiệm trước Ban Tổ chức về công tác đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị, phần mềm phục vụ Hội thi.

Điều 9. Điều khoản thi hành

- Các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện các nội dung quy định tại Thể lệ này nhằm tổ chức tốt Hội thi.

- Thể lệ này có giá trị kể từ ngày ký ban hành đến khi kết thúc Hội thi và được phổ biến đến tất cả các đội dự thi.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề cần sửa đổi, Ban Tổ chức Hội thi sẽ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Trưởng Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để p/h);
- UBND huyện, thị xã, thành phố (để p/h);
- Website của Sở TT&TT;
- Lưu: VT, CNTT-03.



GIAM ĐOC SỞ TT&TT
Trần Duy Bình

MẪU ĐĂNG KÝ DỰ THI

Tên đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2016

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Kế hoạch số 675/KH-STTTT ngày 03/6/2016 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông về việc tổ chức “Hội thi ứng dụng công nghệ thông tin trong khối cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2016” và Thể lệ Hội thi ngày/8/2016, [Tên đơn vị] đăng ký danh sách đội dự thi như sau:

Danh sách đăng ký gồm 02 thí sinh:

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Chức vụ
1						
2						

Đầu mối liên hệ (Trưởng đoàn):

Họ và tên:

Điện thoại liên hệ:

Thư điện tử:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1:
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THUỘC ĐỘI TƯỢNG THAM GIA HỘI THI
ỨNG DỤNG CNTT TRONG KHỐI CÔNG TỈNH THANH HOÁ NĂM 2016
(Kèm theo Thẻ lệ Hội thi ứng dụng CNTT ngày 29/8/2016 của Sở TT&TT)

Bảng 1: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

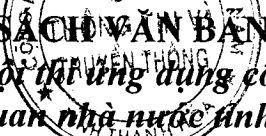
STT	Tên đơn vị
1	Sở Kế hoạch & Đầu tư
2	Sở Tài chính
3	Sở Tài nguyên & Môi trường
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch
6	Sở Xây dựng
7	Sở Tư pháp
8	Sở Giao thông vận tải
9	Sở Công Thương
10	Sở Y tế
11	Sở Giáo dục & Đào tạo
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
13	Sở Ngoại vụ
14	Thanh tra tỉnh
15	Ban dân tộc
16	BQL Khu kinh tế Nghi Sơn
17	Văn phòng UBND tỉnh
18	Sở Thông tin và Truyền thông
19	Sở Nội vụ
20	Sở Khoa học & Công nghệ

Ghi chú: Các đơn vị VP UBND tỉnh, Sở TT&TT, Sở Nội vụ, Sở KH&CN chỉ tham gia phần thi khuyến khích (sản phẩm, giải pháp, ý tưởng sáng tạo).

Bảng 2: UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên đơn vị
1	UBND huyện Thọ Xuân
2	UBND Thị xã Sầm Sơn
3	UBND huyện Thường Xuân
4	UBND huyện Hoằng Hoá
5	UBND huyện Quảng Xương
6	UBND huyện Vĩnh Lộc
7	UBND Thị xã Bim Sơn
8	UBND huyện Thiệu Hoá
9	UBND huyện Thạch Thành
10	UBND huyện Yên Định

11	UBND huyện Hà Trung
12	UBND huyện Cẩm Thủy
13	UBND huyện Như Thanh
14	UBND huyện Bá Thước
15	UBND huyện Ngọc Lặc
16	UBND huyện Quan Sơn
17	UBND huyện Quan Hoá
18	UBND huyện Mường Lát
19	UBND huyện Nga Sơn
20	UBND huyện Hậu Lộc
21	UBND huyện Nông Công
22	UBND huyện Lang Chánh
23	UBND huyện Tĩnh Gia
24	UBND thành phố Thanh Hoá
25	UBND huyện Triệu Sơn
26	UBND huyện Như Xuân
27	UBND huyện Đông Sơn


Phụ lục 2: DANH SÁCH VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ CNTT
(Phục vụ Hội nghị ứng dụng công nghệ thông tin
trong khối cơ quan nhà nước định thành hoá năm 2016)

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ, ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;
- Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT;
- Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành;
- Thông tư số 31/2015/TT-BTTTT ngày 29/10/2015 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 đối với hoạt động xuất, nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng;
- Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/05/2015 về quy định chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp;
- Thông tư số 06/2015/TT-BTTTT ngày 23/03/2015 về quy định danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 về quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;
- Thông tư số 17/2014/TT-BTTTT ngày 26/11/2014 về quy định chế độ báo cáo về hoạt động chứng thực chữ ký số;

- Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương;
- Quyết định số 3396/2012/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh Thanh Hóa;
- Quyết định số 3380/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hệ thống thư công vụ trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
- Kế hoạch 30/KH-UBND ngày 7/4/2014 về việc triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015;
- Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ, ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”;
- Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 19/10/2015 về việc tăng cường đảm bảo an ninh và an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước trên địa bàn Thanh Hóa;
- Kế hoạch số 152/KH-UBND ngày 11/11/2015 về việc tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;
- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020;
- Kế hoạch số 01/KH-UBND, ngày 04/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 04/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.